

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-12-2018
V/v: Xin ly hôn, giải quyết việc
nuôi dưỡng con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Lý Phò Ly

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông D Hoàng Thân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành: Bà Danh Nguyễn Thúy Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Giang Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Võ Thị K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: **Anh Phạm Văn D**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Võ Thị K trình bày:

Chị K và anh D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, cuộc sống của anh, chị tương đối hạnh phúc. Đến năm 2012 phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, xung khắc, cự cãi với nhau và hiện tại

hai vợ chồng đã ly thân.

Quá trình chung sống chị và anh D có 02 con chung tên Phạm Chí B, sinh ngày 30/12/2003, giới tính nam và cháu Phạm Thị L, sinh ngày 08/02/2012, giới tính nữ.

Nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Phạm Văn D.

- Về quan hệ con chung: Chị K yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị được tiếp tục nuôi cháu Phạm Chí B và cháu Phạm Thị L. Tuy nhiên, tại phiên Tòa hôm nay, chị K chỉ yêu cầu cho chị được tiếp tục nuôi cháu L, còn cháu B thì chị tôn trọng nguyện vọng của cháu được sống chung với anh D khi vợ chồng chị ly hôn. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự nguyện thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn D trình bày:

Anh D hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian chung sống; tình trạng hôn nhân là không có đăng ký kết hôn và quá trình chung sống có 02 con chung. Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung do vợ chồng anh đã tự thỏa thuận về tài sản chung, còn nợ chung thì vợ chồng anh không có.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất ly hôn với chị K

- Về quan hệ con chung: Anh D đồng ý giao con chung là cháu Phạm Thị L cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và theo sự tự nguyện của chị K, anh không cấp dưỡng chi phí nuôi con. Tại phiên Tòa hôm nay, anh D tôn trọng nguyện vọng của cháu Phạm Chí B được sống chung với anh sau khi anh và chị K ly hôn, anh tự nguyện không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự nguyện thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

Về đường lối xét xử, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận chị Võ Thị K và anh Phạm Văn D là vợ chồng.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là cháu Phạm Thị Liễu, sinh ngày 08/02/2012, giới tính nữ cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Ghi nhận nguyện vọng được ở với cha là anh Phạm Văn D của cháu Phạm Chí B sinh ngày 30/12/2003, giới tính nam.

Án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị K phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Chị Võ Thị K nộp đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn D được Tòa án thụ lý ngày 19/6/2018 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân, con chung giữa anh, chị. Mặt khác, chị K khởi kiện xin ly hôn anh D có địa chỉ tại ấp Cống Cỏ, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang nên việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành theo các Điều 26 và Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, chị K và anh D đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo là vi phạm những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

Theo khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Như vậy, việc chung sống của chị K và anh D do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng và không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị K và anh D có 02 con chung tên Phạm Chí B, sinh ngày 30/12/2003, giới tính nam và tên Phạm Thị L, sinh ngày 08/02/2012, giới tính nữ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung là cháu Phạm Thị L và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, phía anh D cũng đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh, chị. Đối với cháu Phạm Chí B, do cháu có nguyện vọng được ở cùng cha là anh Phạm văn D, đồng thời anh D và chị K đều

thống nhất để với nguyện vọng của cháu nên HĐXX ghi nhận nguyện vọng của cháu B. HĐXX cũng ghi nhận việc anh D không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Do chị K và anh D đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết Vì thế Tòa án không xét.

[5] Về nợ chung: Do chị K và anh D cho rằng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế HĐXX không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị K và anh Phạm Văn D là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị K và anh D và nguyện vọng của cháu Phạm Chí B, cụ thể: Giao con chung tên Phạm Thị L, sinh ngày 08/02/2012, giới tính nữ cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao con chung tên Phạm Chí B, sinh ngày 30/12/2003, giới tính nam cho anh Phạm Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận các bên trực tiếp nuôi con không yêu bên còn lại cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị K và anh D không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn chị Võ Thị K phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004696 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành. Chị K không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2018);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- CC THA DS huyện Giang Thành;
- UBND xã Vĩnh Điều;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong